

I. Sử dụng và bảo vệ tài nguyên sinh vật

a) Tài nguyên rừng

- Suy giảm tài nguyên rừng và hiện trạng rừng :

Bảng 14.1. Sự biến động diện tích rừng qua một số năm

Năm	Tổng diện tích có rừng (triệu ha)	Diện tích rừng tự nhiên (triệu ha)	Diện tích rừng trồng (triệu ha)	Độ che phủ (%)
1943	14,3	14,3	0	43,0
1983	7,2	6,8	0,4	22,0
2005	12,7	10,2	2,5	38,0

Nhận xét về biến động diện tích rừng qua các giai đoạn 1943 – 1983 và 1983 – 2005. Vì sao có sự biến động đó ?

Mặc dù tổng diện tích rừng đang tăng dần lên, nhưng tài nguyên rừng vẫn bị suy thoái vì chất lượng rừng chưa thể phục hồi.

Năm 1943, loại rừng giàu của cả nước có gần 10 triệu ha (chiếm 70% diện tích rừng). Đến nay, tuy đã có gần 40% diện tích đất có rừng che phủ nhưng phần lớn là rừng non mới phục hồi và rừng trồng chưa khai thác được. Vì thế, 70% diện tích rừng là rừng nghèo và rừng mới phục hồi.

- Biện pháp bảo vệ tài nguyên rừng :

Ngoài ý nghĩa kinh tế, rừng còn giữ vai trò cân bằng sinh thái môi trường. Để đảm bảo vai trò của rừng đối với việc bảo vệ môi trường, theo quy hoạch thì chúng ta phải nâng độ che phủ của cả nước hiện tại từ gần 40% lên đến 45 – 50%, vùng núi dốc phải đạt độ che phủ khoảng 70 – 80%.

Sự quản lí của Nhà nước về quy hoạch, bảo vệ và phát triển rừng được thể hiện qua những quy định về nguyên tắc quản lí, sử dụng và phát triển đối với 3 loại rừng : rừng phòng hộ, rừng đặc dụng và rừng sản xuất.

- + Đối với rừng phòng hộ : có kế hoạch, biện pháp bảo vệ, nuôi dưỡng rừng hiện có, trồng rừng trên đất trống, đồi núi trọc.
- + Đối với rừng đặc dụng : bảo vệ cảnh quan, đa dạng về sinh vật của các vườn quốc gia và các khu bảo tồn thiên nhiên.
- + Đối với rừng sản xuất : đảm bảo duy trì phát triển diện tích và chất lượng rừng, duy trì và phát triển hoàn cảnh rừng, độ phì và chất lượng đất rừng.

Triển khai Luật bảo vệ và phát triển rừng, Nhà nước đã tiến hành giao quyền sử dụng đất và bảo vệ rừng cho người dân.

Nhiệm vụ trước mắt là thực hiện chiến lược trồng 5 triệu ha rừng đến năm 2010 nhằm đáp ứng yêu cầu phủ xanh được 43% diện tích và phục hồi lại sự cân bằng môi trường sinh thái ở Việt Nam.

b) Đa dạng sinh học

- Suy giảm đa dạng sinh học :

Sinh vật tự nhiên ở nước ta có tính đa dạng cao (thể hiện ở số lượng thành phần loài, các kiểu hệ sinh thái và nguồn gen quý hiếm) nhưng đang bị suy giảm.

Sự suy giảm tính đa dạng sinh học của nước ta biểu hiện ở những mặt nào ?

Bảng 14.2. Sự đa dạng thành phần loài và sự suy giảm số lượng loài thực vật, động vật

Số lượng loài	Thực vật	Thú	Chim	Bò sát lưỡng cư	Cá	
					Nước ngọt	Nước mặn
Số lượng loài đã biết	14 500	300	830	400	550	2000
Số lượng loài bị mất dần	500	96	57	62	90	
Trong đó, số lượng loài có nguy cơ tuyệt chủng	100	62	29	—	—	

Nguyên nhân nào đã làm suy giảm số lượng loài động, thực vật tự nhiên ?

Tác động của con người làm thu hẹp diện tích rừng tự nhiên, đồng thời còn làm nghèo tính đa dạng của sinh vật.

Nguồn tài nguyên sinh vật dưới nước, đặc biệt nguồn hải sản của nước ta cũng bị giảm sút rõ rệt. Đó là hậu quả của sự khai thác tài nguyên quá mức và tình trạng ô nhiễm môi trường nước, nhất là vùng cửa sông, ven biển.

– Các biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học :

Nhà nước đã thực hiện những biện pháp gì để bảo vệ đa dạng sinh học của nước ta ?

- + Xây dựng và mở rộng hệ thống vườn quốc gia và các khu bảo tồn thiên nhiên. Năm 1986, nước ta có 87 khu với 7 vườn quốc gia, đến năm 2007 đã có 30 vườn quốc gia, 65 khu dự trữ thiên nhiên, bảo tồn loài – sinh cảnh, trong đó có 6 khu được UNESCO công nhận là khu dự trữ sinh quyển của thế giới.
- + Ban hành Sách đỏ Việt Nam. Để bảo vệ nguồn gen động, thực vật quý hiếm khỏi nguy cơ tuyệt chủng, đã có 360 loài thực vật và 350 loài động vật thuộc loại quý hiếm được đưa vào Sách đỏ Việt Nam.
- + Quy định việc khai thác. Để đảm bảo sử dụng lâu dài các nguồn lợi sinh vật của đất nước, Nhà nước đã ban hành các quy định trong khai thác như : cấm khai thác gỗ quý, khai thác gỗ trong rừng non ; cấm gây cháy rừng ; cấm săn bắt động vật trái phép ; cấm dùng chất nổ đánh bắt cá và các dụng cụ đánh bắt cá con, cá bột ; cấm gây độc hại cho môi trường nước.

2. Sử dụng và bảo vệ tài nguyên đất

a) Hiện trạng sử dụng tài nguyên đất

Theo số liệu thống kê năm 2005, nước ta có khoảng 12,7 triệu ha đất có rừng, 9,4 triệu ha đất sử dụng trong nông nghiệp (chiếm hơn 28,4 % tổng diện tích đất tự nhiên), trung bình trên đầu người là hơn 0,1 ha. Trong số 5,35 triệu ha đất chưa sử dụng thì đất bằng chỉ có khoảng 350 nghìn ha, còn lại 5 triệu ha là đất đồi núi đang bị thoái hoá. Do vậy, khả năng mở rộng đất nông nghiệp ở đồng bằng không nhiều, việc khai hoang đất đồi núi làm nông nghiệp cần phải hết sức thận trọng.

Những năm gần đây, do chủ trương toàn dân đẩy mạnh bảo vệ rừng và trồng rừng nên diện tích đất trống, đồi trọc giảm mạnh. Tuy nhiên diện tích đất đai bị suy thoái vẫn còn rất lớn. Hiện cả nước có khoảng 9,3 triệu ha đất bị đe dọa hoang mạc hoá (chiếm khoảng 28% diện tích đất đai).

Hãy nêu các biểu hiện suy thoái tài nguyên đất ở nước ta.

Nêu các biện pháp bảo vệ đất đồi núi và cải tạo đất đồng bằng.

b) Các biện pháp bảo vệ tài nguyên đất

Đối với vùng đồi núi, để hạn chế xói mòn trên đất dốc phải áp dụng tổng thể các biện pháp thủy lợi, canh tác như làm ruộng bậc thang, đào hố vẩy cá, trồng cây theo băng. Cải tạo đất hoang, đồi núi trọc bằng các biện pháp nông – lâm kết hợp. Bảo vệ rừng và đất rừng, tổ chức định canh, định cư cho dân cư miền núi.

Đất nông nghiệp vốn đã ít, nên chúng ta cần có biện pháp quản lý chặt chẽ và có kế hoạch mở rộng diện tích đất nông nghiệp. Đồng thời với thâm canh, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, cần canh tác hợp lý, chống bạc màu, gầy, nhiễm mặn, nhiễm phèn; bón phân cải tạo đất thích hợp; chống ô nhiễm đất do chất độc hoá học, thuốc trừ sâu, nước thải công nghiệp chứa chất độc hại, chất bẩn chứa nhiều vi khuẩn gây bệnh hại cây trồng.

3. Sử dụng và bảo vệ các tài nguyên khác

- Tài nguyên nước : Tình trạng ngập lụt vào mùa mưa, thiếu nước vào mùa khô và ô nhiễm môi trường nước là hai vấn đề quan trọng nhất trong việc sử dụng tài nguyên nước hiện nay. Do vậy, cần sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên nước, đảm bảo cân bằng nước và phòng chống ô nhiễm nước.

Hãy nêu các biện pháp nhằm bảo đảm cân bằng nước và phòng chống ô nhiễm nước.

- Tài nguyên khoáng sản : Quản lý chặt chẽ việc khai thác khoáng sản. Tránh lãng phí tài nguyên và làm ô nhiễm môi trường (từ khâu khai thác, vận chuyển tới chế biến).
- Tài nguyên du lịch : Cần bảo tồn, tôn tạo giá trị tài nguyên du lịch và bảo vệ cảnh quan du lịch khỏi bị ô nhiễm, phát triển du lịch sinh thái.
- Khai thác, sử dụng hợp lý và bền vững các nguồn tài nguyên khác như tài nguyên khí hậu, tài nguyên biển...

Hãy cho biết giá trị sử dụng và yêu cầu bảo vệ đối với các loại tài nguyên này ?

Câu hỏi và bài tập

1. Nêu tình trạng suy giảm tài nguyên rừng và suy giảm đa dạng sinh học ở nước ta. Các biện pháp bảo vệ rừng và bảo vệ đa dạng sinh học.
2. Hãy nêu tình trạng suy thoái tài nguyên đất và các biện pháp bảo vệ đất ở vùng đồi núi và vùng đồng bằng.
3. Nêu các loại tài nguyên khác cần được sử dụng hợp lý và bảo vệ.